

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU ĐÃ ĐƯỢC TÍCH HỢP, CUNG CẤP TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu)

Tổng cộng: 15 TTHC:

Cấp tỉnh: 13 TTHC (lĩnh vực tài nguyên nước: 06 TTHC; lĩnh vực khí tượng, thủy văn: 01 TTHC; lĩnh vực đất đai 01 TTHC; lĩnh vực môi trường: 01 TTHC; lĩnh vực chính sách thuế: 01 TTHC; lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý 01 TTHC; lĩnh vực tổng hợp: 01 TTHC; lĩnh vực địa chất và khoáng sản: 01 TTHC).

Cấp huyện: 01 TTHC (Chính sách Thuế (Phí, lệ phí).

Cấp xã: 01 TTHC cấp xã (Chính sách Thuế (Phí, lệ phí).

STT	TÊN TTHC (DVCTT)	MÃ SỐ TTHC (DVCTT)	LĨNH VỰC	CẤP THỰC HIỆN
1	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	2.001738.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
2	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1.004253.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
3	Trả lại giấy phép tài nguyên nước	1.011518.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
4	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	2.001770.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
5	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (cấp tỉnh)	1.004283.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh

STT	TÊN TTHC (DVCTT)	MÃ SỐ TTHC (DVCTT)	LĨNH VỰC	CẤP THỰC HIỆN
6	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (TTHC cấp tỉnh)	1.000824.000.00.00.H06	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh
7	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	1.000943.000.00.00.H06	Khí tượng, thủy văn	Cấp tỉnh
8	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai (cấp tỉnh)	1.004269.000.00.00.H06	Đất đai	Cấp tỉnh
9	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	1.008675.000.00.00.H06	Môi trường	Cấp tỉnh
10	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	1.008603.000.00.00.H06	Chính sách Thuế (Phí, lệ phí)	Cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
11	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	1.011671.000.00.00.H06	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Cấp tỉnh
12	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)	1.004237.000.00.00.H06	Tổng hợp (Tài nguyên và môi trường)	Cấp tỉnh
13	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	1.004083.000.00.00.H06	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh